

Bản án số: 22/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 27- 09- 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Minh Niên

Ông Nguyễn Bá Thức

- Thư ký phiên toà: Bà Khả Thị Yêu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: ông Hoàng Xuân Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2024/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2024 và Quyết định hoãn phiên phiên toà số 13/QĐ-TA ngày 11/9/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Bùi Thị K**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

2. *Bị đơn:* anh **Bùi Văn C**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

(Hiện đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản).

(chị Bùi Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Bùi Văn C vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị K trình bày:

Năm 2012 chị Bùi Thị K và anh Bùi Văn C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Hòa Bình. Việc kết hôn

là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị K và anh C về chung sống với bố mẹ chồng tại thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, hoà thuận, đến năm 2018 phát sinh nhiều mâu thuẫn, năm 2019 anh C đi Nhật Bản làm việc theo diện xuất khẩu. Từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nguyên nhân do anh C đi làm ăn xa, mỗi người một nơi thiếu sự tin tưởng lẫn nhau hơn nữa từ ngày anh C đi sang Nhật Bản càng không quan tâm đến gia đình, có lần anh C gọi điện qua Zalo hai vợ chồng có nhắc đến việc ly hôn anh C cũng đồng ý vì cả hai muốn có cuộc sống riêng, sau đó anh C đã chặn mọi liên lạc với chị K nên chị không biết địa chỉ cụ thể của anh C bên Nhật Bản. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị K và anh C không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn. Chị K đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Như Q, sinh ngày 22/6/2013. Sau khi ly hôn chị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu vì anh C hiện đang ở nước ngoài không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu được, chị K chưa yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Bị đơn anh Bùi Văn C không có mặt tại địa phương, không có địa chỉ cụ thể tại Nhật Bản, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh C.

Tại Công văn số 849/PA08 ngày 20/8/2024 của Phòng Q2 - Công an tỉnh H đã cung cấp thông tin: Công dân Bùi Văn C đã được Cục Q3 - Bộ C1 cấp hộ chiếu số C63618776, ngày 07/12/2018 lần gần nhất, công dân đã sử dụng hộ chiếu trên để xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế N ngày 27/10/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Kết quả xác minh tại nơi cư trú cuối cùng của anh Bùi C tại thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Hòa Bình, ông Nguyễn Ánh T - Trưởng thôn B và bà Trần Thị Q1 (mẹ đẻ anh C) cho biết: Về quan hệ hôn nhân năm 2012 anh C và chị K có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Hòa Bình. Trong quá trình chung sống vợ chồng giữa anh C và chị K có phát sinh mâu thuẫn, cụ thể như nào bà Q1 và gia đình không rõ, hiện nay anh C đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, anh C có gọi điện thoại về qua Z nhưng không cho địa chỉ cụ thể nơi làm việc bên Nhật Bản nên gia đình không biết. chị K và anh C đã sống ly thân đã lâu, nếu chị K và anh C muốn ly hôn là quyền của các con bà Q1 và gia đình không có ý kiến gì. Về con chung chị K và anh C có một đứa con chung là cháu Bùi Như Q, sinh ngày

22/6/2013 hiện nay đang sống với chị K, do anh C đang ở nước ngoài sau khi anh C về Việt Nam sẽ có yêu cầu thay đổi sau, bà Q1 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị K được ly hôn với anh C theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: anh C và chị K không có.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bùi Văn C vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhưng thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng và đưa vụ án ra xét xử đúng quy định.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn giữa chị K và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K được ly hôn anh C. Về con chung: Giao cháu Bùi Như Q, sinh ngày 22/6/2013 cho chị K chăm sóc giáo dục, chị K chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có. Về công nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập.

- Về án phí: chị Bùi Thị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. chị Bùi Thị K có đơn xin ly hôn anh Bùi Văn C và đề nghị được nuôi con chung, chị K và anh C cùng có hộ khẩu thường trú tại Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Hòa Bình, anh C hiện đang làm việc và sinh sống tại Nhật Bản. Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con để thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 464 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa, chị K vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh C đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng

không rõ địa chỉ. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án mặc dù nguyên đơn chị Bùi Thị K và bị đơn anh Bùi Văn C đều vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1]. Năm 2012 chị K và anh đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, hoà thuận, đến năm 2018 phát sinh nhiều mâu thuẫn, năm 2019 anh C đi tại Nhật Bản làm việc theo diện xuất khẩu. Từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nguyên nhân do anh C đi làm ăn xa, mỗi người một nơi thiếu sự tin tưởng lẫn nhau hơn nữa từ ngày anh C đi sang Nhật Bản càng không quan tâm đến gia đình. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị K và anh C không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn. Chị K đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh C. Như vậy mâu thuẫn giữa chị K và anh C đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Bùi Thị K được ly hôn anh Bùi Văn C.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Như Q, sinh ngày 22/6/2013, chị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chưa yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện nay anh C không có mặt ở Việt Nam. Cháu Q là con gái đang tuổi cần được chăm sóc, giáo dục, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, cũng như sự ổn định cuộc sống của cháu, phù hợp với nguyện vọng của đương sự nên cần giao con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị K chưa yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong cùng vụ án.

[2.3]. Về tài sản chung, không có; nợ chung: chị K xác nhận không có công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: chị Bùi Thị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bùi Thị K.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị K được ly hôn với anh Bùi Văn C.

1.2. Về con chung: Giao cháu Bùi Như Q, sinh ngày 22/6/2013, cho chị Bùi Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Bùi Thị K chưa yêu cầu anh Bùi Văn C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

2. Về án phí: chị Bùi Thị K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003953 ngày 01/8/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình, chị K đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: chị Bùi Thị K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án. Anh Bùi Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình
- UBND xã Nam Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu TH, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng